

Số: /QĐ-UBND Lạng Giang, ngày tháng 7 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá khu dân cư Tân Luận 4, thị trấn Vôi (giai đoạn 1)

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh);

Căn cứ Công văn số 1350/SNN-KHTC, ngày 29/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-UBND ngày 21/4/2023 của UBND huyện Lạng Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá khu dân cư Tân Luận 4, thị trấn Vôi (giai đoạn 1), huyện Lạng Giang;

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 364/TTr-NN&PTNT ngày 07/7/2023 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá khu dân cư Tân Luận, thị trấn Vôi (giai đoạn 1), huyện Lạng Giang.

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá khu dân cư Tân Luận 4, thị trấn Vôi (giai đoạn 1), huyện Lạng Giang để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, cụ thể:

*(Có phụ lục chi tiết đính kèm)*

2. Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường và UBND thị trấn Vôi có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho đối tượng nơi có đất thu hồi theo quy định.

- Chủ tịch UBND thị trấn Vôi có trách nhiệm niêm yết quyết định tại Nhà văn hóa Tổ dân phố nơi có đất thu hồi và trụ sở UBND thị trấn.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

**Điều 2.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính - Kế hoạch, Thanh tra, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước, Chi Cục thuế khu vực Lạng Giang - Lục Nam, Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Chủ tịch UBND thị trấn Vôi và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH, CNTT, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Hương Lan**

**PHỤ LỤC**  
**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện)*

<b>STT</b>	<b>Loại tài sản</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>
1	Cây trồng hàng năm	đ/m <sup>2</sup>	9.500
2	Ao, hồ nuôi cá chuyên canh	đ/m <sup>2</sup>	13.700
3	Táo ĐK gốc 9-12cm	đ/Cây	1.415.000
4	Tre cây non, cây bánh tẻ ĐK gốc <7cm	đ/Cây	19.000
5	Tre cây già ĐK gốc >= 7cm	đ/Cây	34.000
6	Mít ĐK gốc 12-15cm	đ/Cây	530.000
7	Mít ĐK gốc 15-19cm	đ/Cây	635.000
8	Mít ĐK gốc 3-7cm	đ/Cây	320.000
9	Bưởi ĐK gốc 7-9cm	đ/Cây	1.559.000
10	Bưởi ĐK gốc 9-12cm	đ/Cây	2.027.000
11	Bưởi ĐK gốc 5-7cm	đ/Cây	1.091.000
12	Bưởi ĐK gốc 12-15cm	đ/Cây	2.306.000
13	Nhãn ĐK tán 4-5m	đ/Cây	1.364.000
14	Nhãn ĐK tán 7-8m	đ/Cây	2.642.000
15	Nhãn ĐK tán 3-4m	đ/Cây	758.000
16	Ổi ĐK gốc >15cm	đ/Cây	1.270.000
17	Ổi ĐK gốc 9-11cm	đ/Cây	640.000
18	Na ĐK gốc 7-9cm	đ/Cây	573.000
19	Bơ ĐK gốc 5-10cm	đ/Cây	118.000
20	Xà cừ ĐK gốc 5-10cm	đ/Cây	118.000
21	Xoan ĐK gốc 5-10cm	đ/Cây	118.000
22	Xoan ĐK gốc 13-20cm	đ/Cây	163.000
23	Xoài ĐK gốc 25-29cm	đ/Cây	845.000
24	Xoài ĐK gốc 19-25cm	đ/Cây	740.000
25	Doi ĐK gốc từ 30cm trở lên	đ/Cây	555.000
26	Sung ĐK gốc 20-25cm	đ/Cây	415.000
27	Sung ĐK gốc từ 30cm trở lên	đ/Cây	555.000
28	Sưa ĐK gốc 10-13cm	đ/Cây	1.000.000
29	Sấu ĐK gốc 25-29cm	đ/Cây	845.000
30	Lộc vừng ĐK gốc 15-20cm	đ/Cây	345.000
31	Lộc vừng ĐK gốc 12-15cm	đ/Cây	275.000

<b>STT</b>	<b>Loại tài sản</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>
32	Lộc vùng ĐK gốc 7-9cm	đ/Cây	195.000
33	Sanh ĐK gốc 15-20cm	đ/Cây	345.000
34	Sanh ĐK gốc 7-9cm	đ/Cây	195.000
35	Cau ĐK gốc 12-15cm	đ/Cây	145.000
36	Đa ĐK gốc 7-9cm	đ/Cây	195.000
37	Thanh long từ 2-3 năm	đ/Khóm	155.000
38	Vú sữa ĐK gốc 5-7cm	đ/Cây	358.000

---